

Bản án số: 01/2023/HS-PT

Ngày: 09/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 881C/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Đặng Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2022/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Đặng Văn Q, sinh năm 1993, tại N; ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Đặng Văn P1 và bà Đặng Thị M; có vợ là Dương Thanh N1 (ly hôn), hiện sống chung với chị Dương Quỳnh T1, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2022; hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 của Công an Thành phố H (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Luật sư Đỗ Anh T2 và Luật sư Nguyễn Phi L, Công ty Luật A thuộc Đoàn Luật Sư thành phố H.

Địa chỉ: Phòng 102, tòa nhà A1, số 123 T3, phường D, quận C, thành phố H (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Ông Đặng Văn V, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 4 ngách 98/57 phố M1, phường M2, quận N2, thành phố H (có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T5, xã T6, huyện C1, thành phố H (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Anh Lê Đình S, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 53, phường M3, quận H1, thành phố H (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H nhận được đơn của đơn của ông Hoàng Văn T7, ông Trần Văn D1 tố giác Hoàng Văn N3 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần (viết tắt CP) đầu tư và phát triển H2 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc lợi dụng Hợp đồng vay vốn thực hiện dự án V1, phường V2, quận H3, Thành phố H. Quá trình điều tra có thêm Ông Phạm Hoàng T8 cùng các cá nhân khác tố giác Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tiền trong việc ký hợp đồng vay vốn, Hợp đồng giữ chỗ để mua căn hộ thuộc dự án V1 tại phường V2, quận H3.

Các ông: Hoàng Văn T7, Trần Văn D1, Phạm Hoàng T8, Đặng Văn V, Cao Thanh T9 đã nộp cho cơ quan Điều tra các tài liệu gồm: Phiếu thu, phiếu chi hợp đồng giữ chỗ, giấy biên nhận tiền, cam kết trả nợ, hợp đồng vay vốn, Bản vẽ tổng thể dự án đã chia 72 căn biệt thự liền kề, Văn bản thỏa thuận và các giấy tờ thể hiện việc nộp tiền vào Công ty H2 để mua lô nhà thuộc dự án V1.

Kết quả điều tra xác định:

Thông qua mối quan hệ xã hội, khoảng cuối năm 2017, Đặng Văn Q quen biết bà Tô Thị B là người mua bán bất động sản tự do. Đầu năm 2018, Đặng Văn Q được bà Tô Thị B cho biết dự án tại khu đất đường Ngang, phường V2, quận H3, thành phố H đang lo thủ tục pháp lý triển khai dự án khu nhà ở thấp tầng của Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng H4 (gọi là Công ty H4) do ông Nguyễn Văn T10 - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện, ông Nguyễn Văn T10 đang có nhu cầu nhượng lại cho bà Tô Thị B để bà Tô Thị B tiếp tục lo thủ tục pháp lý dự án, Đặng Văn Q được bà Tô Thị B cho xem hợp đồng đặt cọc ngày 22.12.2017 giữa ông Nguyễn Văn T10 và bà Tô Thị B nội dung bà Tô Thị B đặt cọc 03 tỷ đồng để nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại dự án V2. Đặng Văn Q nói với bà Tô Thị B giới thiệu Đặng Văn Q mua lại dự án trên và được bà Bình giới thiệu Đặng Văn Q gặp ông Nguyễn Văn T10. Sau khi gặp ông Nguyễn Văn T10, Đặng Văn Q thỏa thuận nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty H4 về giá trị dự án trên với giá 110 tỷ đồng. Sau khi thỏa thuận, Đặng Văn Q cùng Hoàng Văn N3 làm thủ tục thành lập Công ty H2 để có tư cách pháp nhân. Công ty sẽ do Hoàng Văn N3 là người đại diện pháp luật, quản lý các hoạt động của công ty, tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua nhà, ký hợp đồng, thu tiền huy động vốn. Đặng Văn Q không đứng tên trong công ty mà là

người lo thủ tục dự án cho Công ty. Đồng thời, Đặng Văn Q liên hệ với người quen để mượn CMND nhờ đứng tên cổ đông để thành lập Công ty cổ phần H2 cùng Hoàng Văn N3 nhưng thực tế không ai phải góp vốn.

Ngày 08/3/2018, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập Công ty CP Đầu tư và phát triển H2, MSDN: 0108180100, trụ sở tại Số 14 M3 N4, phường T11, quận C, TP.H do Hoàng Văn N3 là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, vốn điều lệ 200.000.000.000đ.

Ngày 09/3/2018, Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 gặp và giao 500 triệu đồng cho ông Nguyễn Văn T10 để thỏa thuận đặt cọc, mua bán, chuyển nhượng cổ phần của Công ty H4, ông Nguyễn Văn T10 viết Giấy biên nhận với Hoàng Văn N3.

Ngày 15/3/2018, ông Nguyễn Văn T10 ký hợp đồng đặt cọc với Công ty H2, nội dung: Công ty H2 cùng với bà Tô Thị B đặt cọc số tiền 3,5 tỷ đồng để chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông Công ty H4, sau khi có văn bản của Bộ Công an xác nhận dự án không trùng lấn ranh giới khu đất dự án với trung tâm phát tín hiệu của Tổng cục Hậu cần kỹ thuật - Bộ Công an, sẽ thanh toán số tiền chuyển nhượng toàn bộ cổ phần là 110 tỷ đồng và ủy quyền toàn bộ giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án khu nhà ở thấp tầng tại khu đường ngang V2 cho Công ty H2. Hợp đồng có tên bà Tô Thị B nhưng bà Tô Thị B không tham gia, không ký, ghi số tiền đặt cọc là 3,5 tỷ đồng nhưng thực tế Hoàng Văn N3 mới giao 500 triệu đồng cho ông Nguyễn Văn T10.

Hoàng Văn N3 mới ký hợp đồng đặt cọc và giao cho ông Nguyễn Văn T10 số tiền 500.000.000đ, khu đất đường ngang V2 chưa được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chuyển mục đích sử dụng, chưa được phê duyệt các thủ tục pháp lý về dự án nhưng Đặng Văn Q bàn bạc với Hoàng Văn N3 tự lập các bản vẽ chi tiết dự án, bảng giá, văn bản thỏa thuận với khách hàng, hợp đồng vay vốn, bản đăng ký nguyện vọng mua nhà biệt thự liền kề ... Đặng Văn Q thuê Lê Đình S là nhân viên Công ty Cổ phần E vẽ thiết kế cho dự án. Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 liên hệ với một số đối tượng môi giới bất động sản tự do là Nguyễn Thị T4, Hồ Đình L1 giới thiệu, tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua căn hộ tại dự án đưa về Công ty của Hoàng Văn N3 để làm thủ tục góp vốn giành quyền mua nhà tại dự án này. Sau khi nhận tiền của khách hàng mua căn hộ, Hoàng Văn N3 chi phí duy trì hoạt động công ty, chi trả hoa hồng cho đối tượng môi giới, chi tiêu cá nhân đồng thời chuyển cho Đặng Văn Q. Các khách hàng sau khi góp vốn, thấy dự án không được triển khai như Công ty cam kết đã yêu cầu Hoàng Văn N3 giải trình và đòi trả lại tiền thì Hoàng Văn N3 cho khách hàng gặp Đặng Văn Q và giới thiệu Đặng Văn Q là cấp trên của Hoàng Văn N3, chịu trách nhiệm thực hiện dự án. Đặng Văn Q gặp khách hàng và giải thích là dự án đang gặp khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng nên chưa thể triển khai theo kế hoạch. Sau nhiều lần cam kết không thực hiện được, khách hàng yêu cầu

Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q trả lại tiền đặt cọc mua căn hộ thì Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q nhất lần không trả. Đặng Văn Q bỏ trốn khỏi nơi cư trú, chiếm đoạt tiền của khách hàng.

I. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2018, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt 5.124.500.000đ của ông Đặng Văn V

Tháng 5.2018, qua mối quan hệ xã hội Nguyễn Thị T4 biết ông Đặng Văn V có nhu cầu mua nhà tại dự án khu nhà ở thấp tầng tại V2, T4 chủ động liên hệ với ông Đặng Văn V để tư vấn và mời mua biệt thự tại dự án này. Nguyễn Thị T4 hẹn ông Đặng Văn V đến quầy uống cafe tại khách sạn JW Marriott để nghe tư vấn. Tại đây, ông Đặng Văn V gặp Đặng Văn Q và được Đặng Văn Q nói về pháp lý dự án V1 đã hoàn tất. Sau đó, ông Đặng Văn V được Nguyễn Thị T4 dẫn đến xem thực địa tại dự án, được nhận các tài liệu bản vẽ chi tiết dự án, bảng giá các lô biệt thự của dự án. Tin tưởng dự án có thật, ông Đặng Văn V đã ký hợp các Hợp đồng giữ chỗ: Hợp đồng số 33 ngày 02/6/2018 để mua lô A2-1 có diện tích là 73 m² với giá 10.950.000.000đ, Hoàng Văn N3 yêu cầu ông Đặng Văn V phải trả trước 1.095.000.000đ; Hợp đồng giữ chỗ số 29 ngày 01/6/2018 để mua lô A3-1 giá 11.100.000.000đ; B1-1 giá 11.125.000.000 đ; B2-1 giá 10.750.000.000đ; C1-1 giá 10.320.000.000đ. Ông Đặng Văn V phải trả trước 10% là 4.329.500.000đ. Tổng giá trị theo hợp đồng giữ chỗ trị giá 51.245.000.000đ. Ông Đặng Văn V nộp trước cho Công ty H2 số tiền **5.124.500.000đ**/05 lô đất đã ký hợp đồng nêu trên, có phiếu thu ngày 02/6/2018, ngày 02/7/2018, ngày 20/6/2018. Phiếu thu do Nguyễn Thị T4 viết có chữ ký của Hoàng Văn N3 ký dưới mục Giám đốc và đóng dấu của Công ty H2. Do lâu không thấy dự án được triển khai, ông Đặng Văn V đã yêu cầu Nguyễn Thị T4 cho gặp Tổng Giám đốc Công ty và được Hoàng Văn N3 cam kết dự án đang tiến hành triển khai nhưng vì nhiều lý do khách quan nên việc triển khai sẽ chậm hơn dự kiến.

Tháng 10/2018, ông Đặng Văn V vẫn thấy dự án không được triển khai nên tự tìm hiểu và được biết dự án V1 không có thật nên ông Đặng Văn V nhiều lần gặp Hoàng Văn N3 yêu cầu trả lại tiền đặt cọc, Hoàng Văn N3 dẫn ông Đặng Văn V đến gặp Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 giới thiệu với ông Đặng Văn V rằng Đặng Văn Q là người nhận tiền và chịu trách nhiệm về dự án. Khi gặp ông Đặng Văn V, Đặng Văn Q tiếp tục nhất lần xin chậm tiến độ do vướng mắc thủ tục pháp lý. Sau nhiều lần đòi tiền, ông Đặng Văn V được Công ty H2 trả lại số tiền 01 tỷ đồng. Còn lại số tiền 4.124.500.000đ, Đặng Văn Q viết cam kết có trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn V 60% số tiền tương ứng là 2.475.000.000đ, 40% còn lại sẽ do Công ty H2 tiếp tục chi trả. Đến tháng 5/2019, Đặng Văn Q tiếp tục trả ông Đặng Văn V 01 tỷ đồng, nhưng không viết giấy biên nhận.

Cơ quan điều tra thu giữ:

- Hợp đồng giữ chỗ số 33 ngày 2/6/2018 để mua lô A2-1; Hợp đồng giữ chỗ số 29 ngày 01/6/2018 để mua lô A3-1 giá 11.100.000.000đ; B1-1 giá 11.125.000.000 đ; B2-1 giá 10.750.000.000đ; C1-1 giá 10.320.000.000đ.

- Cam kết bảo đảm thực hiện dự án số 05 ngày 21/3/2018; Giấy nợ lãi 02 hóa đơn ngày 25/10/2018 đứng tên Hoàng Văn N3; Biên bản cam kết đứng tên Hoàng Văn N3 ngày 08/11/2018; Bản cam kết ngày 13/11/2018, Biên bản xác nhận nợ ngày 26/4/2019; Biên bản xác nhận nợ của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển H2... đề ngày 26/4/2019

- Phiếu thu ngày 02/6/2018, ngày 2/7/2018, ngày 20/6/2018 có chữ ký của Hoàng Văn N3 và đóng dấu của Công ty. Phiếu chi người nhận tiền đứng tên Đặng Văn V đề ngày 25/10/2018; Giấy kê ngang người trả tiền đứng tên Đặng Văn Q đề ngày 29/5/2019.

Tại bản Kết luận giám định số: 4924/KLGD-PC09 (Đ3) ngày 20/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP H đã kết luận:

“... - Chữ viết phần nội dung ghi trên “phiếu chi” người nhận tiền đứng tên Đặng Văn V đề ngày 25/10/2018; Giấy nợ lãi 02 hóa đơn ngày 25/10/2018 đứng tên Hoàng Văn N3; 01 “Biên bản cam kết” đại diện bên A đứng tên Hoàng Văn N3 bên B đứng tên Đặng Văn V đề ngày 13/11/2018; “Giấy ghi nợ” đứng tên Hoàng Văn N3 (không đề ngày tháng); “Biên bản cam kết” đứng tên Hoàng Văn N3 đề ngày 8/11/2018 là do Hoàng Văn N3 viết ra.

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Văn N3 dưới chữ ký trên “phiếu chi” người nhận tiền đứng tên Đặng Văn V đề ngày 25/10/2018; Giấy nợ lãi 02 hóa đơn ngày 25/10/2018; “Biên bản cam kết” đứng tên Hoàng Văn N3 đề ngày 8/11/2018 Biên bản xác nhận nợ ngày 26/4/2019; Giấy ghi nợ là do Hoàng Văn N3 viết và ký ra.

- Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đặng Văn Q dưới chữ ký trên biên bản xác nhận nợ đứng tên Đặng Văn Q đề ngày 26/4/2019; Chữ viết phần nội dung và chữ viết dòng họ tên Đặng Văn Q, dưới mục “Người làm chứng” trên Biên bản xác nhận nợ của CTCP đầu tư và phát triển H2... đề ngày 26/4/2019; Chữ viết phần khoanh mực màu đỏ và chữ ký, chữ viết trên giấy kê ngang có nội dung: “ Cộng hòa xã hội ... khắc phục nợ cũ” là chữ do Đặng Văn Q viết và ký ra”.

Về dân sự: Ông Đặng Văn V yêu cầu Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 trả lại số tiền **3.124.500.000đ** và xử lý Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q theo quy định của pháp Luật.

2. Hành vi chiếm đoạt 1.593.000.000 đồng của ông Hoàng Văn T7, chiếm đoạt 693.000.000 đồng của anh Trần Văn D1:

Thông qua Phạm Văn H5 làm nghề môi giới bất động sản giới thiệu ông Hoàng Văn T7 và anh Trần Văn D1 về dự án V1 do Công ty H2 là chủ đầu tư,

dự án gồm 72 căn biệt thự liền kề với giá từ 105.000.000 đồng đến 125.000.000đ/m². Hiệu đưa ông Hoàng Văn T7 và anh Trần Văn D1 đến khu Đường Ngang, phường V2 để giới thiệu về dự án V1. Để tìm hiểu thêm về dự án, ngày 29/6/2018, Phạm Văn H5 đưa ông Hoàng Văn T7 và anh Trần Văn D1 đến trụ sở Công ty H2 gặp Nguyễn Thị T4. Tại đây, Nguyễn Thị T4 giới thiệu Nguyễn Thị T4 là kế toán Công ty và cho ông Hoàng Văn T7 xem bản vẽ quy hoạch chi tiết, bảng báo giá nhà của dự án V1. Tin tưởng dự án là có thật, ông Hoàng Văn T7 và anh Trần Văn D1 đã ký hợp đồng vay vốn và nộp tiền vào Công ty H2. Cụ thể:

Anh Trần Văn D1 chọn mua căn nhà số C4 lô 6, diện tích 66m², giá tạm tính 6.930.000.000đ. Ngày 29/6/2018, anh Trần Văn D1 nộp vào Công ty H2 số tiền 100.000.000đ là tiền đặt giữ chỗ căn hộ. Đến ngày 3/7/2018, anh Trần Văn D1 nộp nốt số tiền 593.000.000đ và ký hợp đồng vay vốn số 44/2018/HĐVV-VQ với Công ty H2 nội dung anh D1 cho Công ty vay số tiền 693.000.000đ, lãi suất 6%/năm, thời hạn 180 ngày; ký Bản đăng ký nguyện vọng mua căn nhà số C4 lô 6 và Văn bản thỏa thuận số 44/2018/VBTT về việc anh Trần Văn D1 sẽ được hưởng ưu đãi 10% giá bán của căn hộ khi ký kết hợp đồng mua bán. Anh Trần Văn D1 đã nộp vào Công ty H2 tổng số tiền là **693.000.000đ**.

Ông Hoàng Văn T7 chọn mua căn hộ số C4 lô 5, diện tích 66m², giá tạm tính 6.930.000.000đ và căn hộ số D3 lô 1, diện tích 72m², giá tạm tính là 9.000.000.000đ. Ngày 29/6/2018, ông Hoàng Văn T7 nộp vào Công ty H2 số tiền 200.000.000đ là tiền đặt giữ chỗ căn hộ. Đến ngày 04/7/2018, ông Hoàng Văn T7 nộp 1.400.000.000đ vào tài khoản số 6998998 của Công ty H2 mở tại Ngân hàng ACB và ký hợp đồng vay vốn số 46/2018/HĐVV-VQ với Công ty H2 mua căn hộ số C4 lô 5. Đến ngày 6/7/2018, ông Hoàng Văn T7 tiếp tục ký hợp đồng vay vốn số 48/2018/HĐVV-VQ với Công ty H2 đặt mua căn hộ số D3 lô 1, diện tích 72m², giá tạm tính là 9.000.000.000đ, theo 02 hợp đồng, ông Hoàng Văn T7 cho Công ty vay tổng số tiền 1.593.000.000đ, lãi suất 6%/năm, thời hạn 180 ngày; đăng ký nguyện vọng mua căn hộ số C4 lô 5 và căn hộ số D3 lô 1 và sẽ được hưởng ưu đãi 10% giá bán của căn hộ khi ký kết hợp đồng mua bán. Do ông Hoàng Văn T7 chỉ phải nộp số tiền 1.593.000.000đ nên ngày 06/7/2018, Công ty H2 đã trả ông Hoàng Văn T7 số tiền 7.000.000đ (có phiếu chi, không có dấu, không có chữ ký của Hoàng Văn N3). Tổng số tiền ông Hoàng Văn T7 nộp cho Công ty là **1.593.000.000 đồng**.

Sau khi ký hợp đồng, ông Hoàng Văn T7 và ông Trần Văn D1 nhận bản cam kết thực hiện dự án do Hoàng Văn N3 ký nội dung Công ty cam kết thực hiện dự án khu nhà ở thấp tầng tại khu đường ngang V2 có tên là V1 gồm 72 căn biệt thự liền kề, dự án được chia thành nhiều giai đoạn và sẽ hoàn thiện bàn giao dự án vào tháng 9/2019.

Do quá thời hạn cam kết thực hiện, ông Hoàng Văn T7 không thấy dự án

được triển khai nên đã yêu cầu Hoàng Văn N3 trả tiền nhưng Ninh khát lần không trả. Ngày 31/5/2019, ông Hoàng Văn T7 và ông Trần Văn D1 đã đến trụ sở Công ty H2 gặp một người xưng là Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 giới thiệu Đặng Văn Q là chủ đầu tư dự án V1, xin chậm tiến độ dự án do vướng mắc thủ tục pháp lý. Cuối tháng 5/2019, Đặng Văn Q chuyển trả ông Hoàng Văn T7 số tiền 50.000.000đ vào tài khoản số 6051958 của ông Hoàng Văn T7 mở tại Ngân hàng ACB, trả cho ông Trần Văn D1 50.000.000đ.

Cơ quan điều tra thu giữ:

- Ông Hoàng Văn T7: 01 Hợp đồng vay vốn số 46 ngày 04/7/2018 và Hợp đồng số 48 ngày 06/7/2018, 01 bản đăng ký nguyện vọng ngày 04/7/2018, 01 Văn bản thỏa thuận số 46 ngày 6/7/2018; Phiếu thu 200.000.000 đồng ngày 29/6/2018 đầu tư lô D3-1, C4-5; Phiếu thu tiền của Công ty H2 200.000.000 đồng, phiếu thu 1.400.000.000 đồng đầu tư lần 2 Lô C4-5; Đ3-1 ngày 04/7/2018; 01 phiếu chi tiền của Công ty H2 có nội dung: Hoàng Văn T7 nhận lại 7.000.000 đồng tiền thừa đã chuyển khoản ngày 06/7/2018.

- Ông Trần Văn D1: Phiếu thu tiền của Công ty H2 có nội dung 100.000.000 đồng đầu tư lô C4-6; 01 phiếu thu tiền của Công ty H2 593.000.000 đồng đầu tư lô C6-4; 01 Hợp đồng vay vốn số 44 ngày 3/7/2018; 01 Văn bản thỏa thuận số 44 ngày 05/7/2018; 01 bản đăng ký nguyện vọng ngày 03/7/2018, 01 bản cam kết bảo đảm thực hiện dự án ngày 03/7/2018

Tại bản Kết luận giám định số 662 ngày 19/2/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: "...Chữ ký dưới các mục "Giám đốc" đứng tên Hoàng Văn N3 trên các tài liệu hợp đồng vay vốn số 46/2018 ngày 4/7/2018; Hợp đồng vay vốn số 48/2018 ngày 04/7/2018 (ký hiệu A9, A10); Phiếu thu ngày 29/6/2018 (ký hiệu A1), phiếu thu ngày 4/7/2018 (ký hiệu A2), cam kết bảo đảm thực hiện dự án số 5 ngày 4/7/2018 (ký hiệu A5, A6), Văn bản thỏa thuận số 46 ngày 6/7/2018, Văn bản thỏa thuận số 48 ngày 6/7/2018 ... với ông Hoàng Văn T7, ông Trần Văn D1 là chữ ký do cùng một người ký ra".

Tại bản Kết luận giám định số 663 ngày 19/2/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: "...Chữ ký ký dưới các mục "Giám đốc" đứng tên Hoàng Văn N3 trên Liên 2 phiếu thu Liên 2 phiếu thu ngày 29/6/2018; Liên 2 phiếu thu ngày 03/7/2018; Hợp đồng vay vốn số 44 ngày 3/7/2018; Văn bản thỏa thuận số 44 ngày 5/7/2018; Cam kết bảo đảm việc thực hiện dự án số 5 ngày 3/7/2018, Bản đăng ký nguyện vọng ngày 3/7/2018 là do Hoàng Văn N3 ký ra".

Về dân sự:

Anh Trần Văn D1 yêu cầu Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q phải trả **643.000.000 đồng**.

Ông Hoàng Văn T7 yêu cầu Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q phải trả

1.543.000.000đ.

Anh Trần Văn D1 và ông Hoàng Văn T7 đề nghị xử lý Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q theo quy định của pháp luật.

3. Hành vi chiếm đoạt 1.147.000.000 đồng của ông Phạm Hoàng T8:

Qua thông tin môi giới bất động sản, anh Phạm Hoàng T8 biết đến dự án V1 do Công ty H2 làm chủ đầu tư. Tại trụ sở Công ty, ông Phạm Hoàng T8 được nhân viên cho xem các tài liệu bản vẽ quy hoạch chi tiết, bảng báo giá nhà của dự án V1 ... Tin tưởng dự án là có thật, anh Phạm Hoàng T8 chọn mua căn hộ số A3 lô 6, diện tích 74m², đồng thời ký hợp đồng vay vốn số 38/2018/HĐVV-VQ ngày 23/6/2018 với nội dung: Ông Phạm Hoàng T8 cho Công ty H2 vay số tiền 1.147.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, thời hạn 180 ngày. Đồng thời, ký Bản đăng ký nguyện vọng ngày 23/6/2018 mua căn hộ số A3 lô 6, diện tích 74m², giá bán tạm tính: 11.470.000.000 đồng; Cam kết bảo đảm thực hiện dự án ngày 20/6/2018.

Ngày 23/6/2018, anh Phạm Hoàng T8 nộp tiền tại Văn phòng Công ty 1.047.000.000 đồng cho T4 và được T4 đưa cho phiếu thu tiền có chữ ký đóng dấu của Hoàng Văn N3.

Ngày 26/6/2018 anh Phạm Hoàng T8 chuyển 100.000.000đồng vào tài khoản số 6998998 của Công ty Hoàng Cầu Riverside tại Ngân hàng ACB chi nhánh Hà Thành. Tổng số tiền anh Phạm Hoàng T8 nộp cho Công ty số tiền **1.147.000.000đ.**

Đời lâu không thấy dự án được triển khai, tìm hiểu được biết dự án nhà ở thấp tầng không phải do Công ty H2 là chủ đầu tư nên tháng 9/2018 anh Phạm Hoàng T8 đã nhiều lần đến gặp Hoàng Văn N3 để đòi tiền, Ninh cho biết Đặng Văn Q là người nhận tiền và chịu trách nhiệm về dự án. Ngày 01/4/2019, anh Phạm Hoàng T8 đã gặp Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q tại trụ sở Công ty H2, Đặng Văn Q viết Giấy hẹn thanh toán xác nhận Công ty H2 có trách nhiệm trả cho anh Phạm Hoàng T8 số tiền 1.288.000.000đ (bao gồm 1.147.000.000đ tiền gốc và 141.000.000đ tiền lãi phát sinh theo cam kết) trong đó Đặng Văn Q có trách nhiệm phải trả số tiền 780.000.000đ (tương ứng với 60%) và Công ty H2 có trách nhiệm phải trả số tiền 508.000.000đ (tương ứng với 40%) cho anh Phạm Hoàng T8 vào ngày 31/5/2019. Ngày 04/5/2019, anh Phạm Hoàng T8 tiếp tục yêu cầu Ninh viết bản cam kết nội dung tương tự do Hoàng Văn N3 ký và có dấu của Công ty H2. Tiếp đến ngày 02/10/2019, Đặng Văn Q viết biên bản cam kết trả nợ cho anh Phạm Hoàng T8, cam kết đến ngày 28/10/2019 sẽ trả lại tiền cho anh Phạm Hoàng T8, nhưng quá thời hạn cam kết, Hoàng Văn N3, Đặng Văn Q không trả được.

Cơ quan điều tra thu giữ tài liệu:

Hợp đồng vay vốn số 38/2018/HĐVV-VQ với Hoàng Văn N3 - Giám đốc

Công ty H2 ngày 23/6/2018; Bản đăng ký nguyện vọng ngày 23/6/2018 mua căn hộ số A3 lô 6, diện tích 74m²; Cam kết bảo đảm thực hiện dự án ngày 20/6/2018; Phiếu thu do Hoàng Văn N3 ký, đóng dấu của Công ty H2 ngày 23/6/2018 số tiền 1.047.000.000 đồng và 26/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng. Biên bản xác nhận nợ ngày 04/5/2019 Hoàng Văn N3 viết cho anh Phạm Hoàng T8; Biên bản cam kết trả nợ đề ngày 02/10/2019 Đặng Văn Q viết cho anh Phạm Hoàng T8; Giấy hẹn thanh toán ngày 01/4/2019 Đặng Văn Q viết cho anh Phạm Hoàng T8.

Tại bản Kết luận giám định số: 663/C09- P5 ngày 19/2/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: “... Chữ ký dưới các mục” Giám đốc” trên Liên 2 phiếu thu ngày 23/6/2018, 26/6/2018, 29/6/2018; 03/7/2018; Cam kết bảo đảm thực hiện dự án ngày 20/6/2018, ngày 3/7/2018; Bản đăng ký nguyện vọng ngày 23/6/2018; Văn bản thỏa thuận số 38 ngày 25/6/2018; Văn bản thỏa thuận số 38 ngày 25/6/2018 là do Hoàng Văn N3 ký ra”.

Tại bản Kết luận giám định số 2312 - C09 - P5 ngày 08/6/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “... Chữ viết trên Biên bản cam kết trả nợ đề ngày 02/10/2019 đứng tên Đặng Văn Q, Giấy hẹn thanh toán đề ngày 01/4/2019 đứng tên Đặng Văn Q là do Đặng Văn Q viết ra”.

Về dân sự: Anh Phạm Hoàng T8 yêu cầu Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q phải trả lại số tiền **1.147.000.000** đồng và đề nghị xử lý Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q theo quy định của pháp luật.

4- Hành vi chiếm đoạt 1.095.000.000đ của anh Cao Thanh T9:

Khoảng tháng 5/2018, do có nhu cầu mua căn hộ, thông qua mối quan hệ xã hội, anh Cao Thanh T9 tự tìm hiểu và biết Nguyễn Thị T4 và dự án V1 tại khu vực đường Ngang, V2. Anh Cao Thanh T9 chủ động liên hệ với Nguyễn Thị T4 và được Nguyễn Thị T4 cho xem các bản vẽ chi tiết dự án, bảng giá căn hộ, các hợp đồng... Do tin tưởng dự án là có thật nên ngày 30/5/2018, anh Cao Thanh T9 ký hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 38/HCR-VQR-18 có nội dung: Anh Cao Thanh T9 mua căn hộ số A2-2, diện tích sử dụng 73m² với giá là 10.950.000.000đ, đặt cọc trước số tiền 1.095.000.000đ. Ngày 30/5/2018 anh Cao Thanh T9 nộp số tiền 595.000.000 đồng và ngày 8/6/2018 anh Cao Thanh T9 nộp 500.000.000 đồng tài khoản số 6998998 của Công ty H2 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (có phiếu thu của Công ty H2 đề ngày 30/5/2018 và ngày 8/6/2018)

Đời lâu không thấy dự án triển khai, anh Cao Thanh T9 trực tiếp gặp Hoàng Văn N3, Hoàng Văn N3 trả lời không cụ thể nên anh Cao Thanh T9 nghi ngờ dự án không có thật và đòi lại số tiền đã nộp, Hoàng Văn N3 đã trả lại số tiền **428.500.000đ**.

Sau đó, anh Cao Thanh T9 thúc giục nhiều lần nên ngày 08/1/2018 Hoàng

Văn N3 đã viết cam kết trả hết tiền vào ngày 09/1/2019 và Giấy ghi nợ cam kết đến cuối tháng 3/2020 sẽ trả toàn bộ số tiền đã nhận.

Cơ quan điều tra thu giữ :

- Tài liệu phô tô gồm: Hợp đồng giữ chỗ số 38/HCR-VQR-18 ngày 30/5/2018; phiếu thu ngày ngày 30/5/2018 số tiền thu là 595 triệu; phiếu thu ngày 08/6/2018 số tiền thu là 500 triệu; Ủy nhiệm chi ngày 30/5/2018 số tiền đã nộp là 595 triệu; Ủy nhiệm chi ngày 30/5/2018 số tiền 500 triệu vào tài khoản số 6998998 của Công ty H2 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (có phiếu thu của Công ty H2).

- Biên bản cam kết đứng tên Hoàng Văn N3 đề ngày 8/11/2018; “Giấy ghi nợ” đứng tên Hoàng Văn N3 (không đề ngày tháng năm) (Bản gốc).

Tại bản Kết luận giám định số: 4924/KLGD-PC09 (Đ3) ngày 20/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP H đã kết luận: “ ... Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Hoàng Văn N3 trên “Biên bản cam kết”, “Giấy ghi nợ”, không đề ngày tháng với ông Cao Thanh T9 là chữ viết, chữ ký do Hoàng Văn N3 viết, ký ra”.

Về dân sự: Anh Cao Thanh T9 yêu cầu Hoàng Văn N3 phải trả lại **666.500.000đ** và xử lý Ninh theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, quá trình điều tra Hoàng Văn N3 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy nhận tiền đề ngày 12/12/2018 có nội dung: Đặng Văn Q nhận 6.500.000.000 đồng của Công ty CP đầu tư phát triển H2. Hoàng Văn N3 khai số tiền trên là tiền Hoàng Văn N3 thu của các bị hại đầu tư mua căn hộ thuộc dự án V1 Hoàng Văn N3 đã chuyển cho Đặng Văn Q theo yêu cầu của Đặng Văn Q, để Đặng Văn Q chi phí cho việc xin cấp phép dự án. Đặng Văn Q thừa nhận đã nhận của Hoàng Văn N3 số tiền trên làm nhiều lần, Đặng Văn Q đã trả cho ông Đặng Văn V 01 tỷ, ông T7 50 triệu, anh D1 50 triệu, số còn lại Đặng Văn Q đã chi tiêu vào việc ăn uống, tiếp khách.... nhưng không có tài liệu chứng minh.

Tại bản kết luận Giám định số 7148 ngày 06/8/2020 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP H kết luận: “ ... Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Đặng Văn Q trên giấy nhận tiền đề ngày 12/12/2018 là do Đặng Văn Q viết ra”.

Tại Cơ quan điều tra: Đặng Văn Q khai: Công ty H2 do Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 thành lập, thực tế để thực hiện dự án khu nhà ở thấp tầng thuộc đường ngang V2 gọi tắt là V1. Đặng Văn Q để Hoàng Văn N3 đứng tên người đại diện theo pháp luật của Công ty H2 là do Đặng Văn Q tin theo tâm linh để tên Hoàng Văn N3 sẽ hợp tuổi kinh doanh giúp Công ty phát triển nhanh hơn. Đặng Văn Q không đứng tên cổ đông trong công ty là vì Đặng Văn Q tin tưởng Hoàng Văn N3. Những cổ đông đứng tên trong công ty thực tế đều không phải là người góp vốn mà do Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 nhờ đứng tên. Phân

công việc tại Công ty là Hoàng Văn N3 ký các tài liệu và thu tiền kinh doanh còn Đặng Văn Q lo thủ tục pháp lý, tham gia các buổi họp thống nhất kinh doanh để thực hiện dự án. Công ty có thuê người môi giới khách hàng là T4, L1, S. Đặng Văn Q vài lần gặp môi giới để thông tin về dự án, phần trăm hoa hồng là do công ty trả. Đặng Văn Q đã thuê người lập bản vẽ chi tiết dự án gồm nhiều biệt thự liền kề với giá từ 105.000.000đ đến 125.000.000đ/m², văn bản thỏa thuận với khách hàng, hợp đồng vay vốn, bản đăng ký nguyện vọng mua nhà biệt thự liền kề ... và thông qua các đối tượng môi giới bất động sản để tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua nhà của dự án. Khi khách hàng đến Công ty H2 nộp tiền, Hoàng Văn N3 thu tiền và giữ tiền lại một phần để vận hành công ty, còn lại Hoàng Văn N3 đưa tiền cho Đặng Văn Q khi Đặng Văn Q có yêu cầu. Đặng Văn Q đã nhận từ Hoàng Văn N3 6.500.000.000đồng, Đặng Văn Q không biết tổng số người ký hợp đồng và nộp tiền cho Hoàng Văn N3 là bao nhiêu. Đặng Văn Q xác nhận việc Công ty H2 có nhận 5.124.500.000đ của ông Đặng Văn V để đặt mua 05 căn biệt thự tại dự án. Khi ông Đặng Văn V yêu cầu Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 trả lại tiền thì Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 có xác định trách nhiệm là Đặng Văn Q chịu trách nhiệm 60%, Hoàng Văn N3 chịu trách nhiệm 40% số tiền phải trả. Đến nay thủ tục pháp lý của Công ty chưa thực hiện. Đặng Văn Q nhận thức được việc dự án V1 chưa có hồ sơ pháp lý chính thức, chưa được các cơ quan nhà nước chấp thuận, cấp phép chưa đủ tính hợp pháp mà đã huy động vốn thu tiền của khách hàng là vi phạm pháp luật. Sau khi làm việc về việc nhận tiền của ông Đặng Văn V, Đặng Văn Q đã bỏ trốn. Đến nay Đặng Văn Q đã trả cho ông Đặng Văn V 01 tỷ đồng, trả cho ông T7 50 triệu đồng, trả cho anh D1 50 triệu đồng.

*** Kết quả xác minh các vấn đề liên quan**

- Xác minh tại UBND quận H3, Thành phố H xác định: Trên địa bàn quận H3 không có dự án V1 tại khu đường ngang V2 do Công ty H2 thực hiện. Vị trí khu quy hoạch mà các đối tượng giới thiệu là dự án V1 là đất nông nghiệp thuộc khu đất Điện tín 3,4 HA của Hợp tác xã Y quản lý.

- Xác minh tại Hợp tác xã Y, quận H3, Thành phố H xác định: Hợp tác xã Y không ký hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty H2. Không có người tên Hoàng Văn N3, Đặng Văn Q đến hợp tác xã để liên hệ mua đất, thuê đất.

- Xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư TP. H xác định: Sở kế hoạch và đầu tư chưa xem xét, đề xuất việc cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án V1 tại khu đường ngang V2, phường V2, quận H3, TP H cho bất kỳ đơn vị nào.

- Xác minh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu: Đặng Văn Q mở tài khoản số 999966 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu. Từ ngày 11/6/2019 đến 25/6/2019, Đặng Văn Q có nhận tổng số 95.000.000đ từ tài

khoản của Công ty H2 mở tại Ngân hàng Á Châu với nội dung mua thiết bị văn phòng, máy in...

II. Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án

- Đối với Phạm Thị H6 là người có tên trong danh sách Hội đồng quản trị của Công ty H2, Phạm Thị H6 cho Đặng Văn Q mượn CMND của Phạm Thị H6 để thành lập Công ty H2 vào tháng 3/2018. Đến tháng 6/2018, Phạm Thị H6 đã rút tên khỏi Công ty. Phạm Thị H6 không biết việc Công ty H2 lập dự án V1 không có thật để nhận, chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu mua nhà dự án và không hưởng lợi, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Hoàng Bá S1 là người được Đặng Văn Q nhờ đứng tên trong danh sách Hội đồng quản trị của Công ty H2. Đặng Văn Q đã chỉ đạo, nội dung bản vẽ chi tiết dự án là do Đặng Văn Q liên hệ với Lê Đình S. Hoàng Bá S1 là người trung gian chuyển tài liệu, được Đặng Văn Q trả cho 7.000.000 đồng. Hoàng Bá S1 không biết việc dự án V1 là dự án không có thật, không biết Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Lê Đình S là người được Đặng Văn Q thuê vẽ các bản vẽ chi tiết dự án: Đặng Văn Q thuê Lê Đình S vẽ bản vẽ chi tiết các dự án V1 dựa trên thông tin do Đặng Văn Q cung cấp. Lê Đình S không biết việc Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 thành lập công ty đưa ra dự án V1 là dự án không có thật để nhận tiền và chiếm đoạt của những người có nhu cầu mua nhà, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Nguyễn Thị T4 là người môi giới nhà đất tự do, được Đặng Văn Q thuê môi giới bán nhà thuộc dự án V1. Nguyễn Thị T4 được Hoàng Văn N3 nhờ viết các phiếu thu cho những người mua nhà tại dự án, Nguyễn Thị T4 không biết việc Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 thành lập công ty đưa ra dự án V1 là dự án không có thật để nhận tiền và chiếm đoạt của những người bị hại. Nguyễn Thị T4 đã nhận tiền hoa hồng do Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 trích lại trên các hợp đồng mua nhà được ký số tiền là 973.000.000đ và đã trả lại Công ty H2 để trả lại cho các bị hại. Do vậy, Nguyễn Thị T4 không đồng phạm với Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 trong vụ án nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Hồ Đình L1 là người môi giới nhà đất tự do, được Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 thuê giới thiệu bán nhà tại dự án V1. Hồ Đình L1 không biết dự án V1 không có thật, Hồ Đình L1 chưa giới thiệu được khách hàng mua nhà tại dự án V1 nên không đồng phạm với Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 trong vụ án, Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với việc ông Nguyễn Văn T10 thỏa thuận nhận đặt cọc số tiền 3,5 tỷ đồng, nhận 500 triệu đồng của Hoàng Văn N3, Đặng Văn Q để nhường quyền tiếp tục lo thủ tục dự án là quan hệ dân sự, không liên quan đến hành vi của Hoàng Văn N3, Đặng Văn Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại trong vụ

án, nên không có căn cứ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2022/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Văn Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2022.

Căn cứ Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- **Về dân sự:** Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền **9.652.500.000đồng**, trong đó kỷ phần của Đặng Văn Q **6.500.000.000đồng**, kỷ phần của Hoàng Văn N3 **3.152.500.000đồng**.

Xác nhận Đặng Văn Q đã bồi thường 3.500.000.000đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng), Hoàng Văn N3 đã bồi thường 1.848.500.000đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Nay buộc các bị cáo còn phải liên đới bồi thường **4.304.000.000đồng** (bốn tỷ ba trăm linh tư triệu đồng) cho các bị hại, kỷ phần của bị cáo Đặng Văn Q **3.000.000.000đồng** (ba tỷ đồng), của bị cáo Hoàng Văn N3 **1.276.000.000đồng** (một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng)

Cụ thể:

- Ông Hoàng Văn T7: **1.003.000.000đồng** (một tỷ không trăm linh ba triệu đồng).

- Ông Đặng Văn V: **1.914.500.000đồng** (một tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng)

- Anh Trần Văn D1: **343.000.000đồng** (ba trăm bốn mươi ba triệu đồng).

- Anh Phạm Hoàng T8 : **727.000.000đồng** (bảy trăm hai mươi bảy triệu đồng).

- Anh Cao Thanh T9: **317.000.000đồng** (ba trăm mười bảy triệu đồng)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn N3, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2022, bị cáo Đặng Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/8/2022, người bị hại Đặng Văn V có đơn kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm và về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đặng Văn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện

bồi thường cho bị hại ông Đặng Văn V số tiền 1.000.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyên bồi thường thêm bị hại số tiền 500.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Đặng Văn V ghi nhận đã nhận bồi thường của bị cáo Đặng Văn Q số tiền 1.500.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Văn Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; người bị hại Đặng Văn V có đơn kháng cáo quá thời hạn quy định nên không được xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại Đặng Văn V xác nhận bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại 1,5 tỷ đồng; bị cáo nhận bồi thường thêm 28 triệu đồng cho các bị hại thay bị cáo Hoàng Văn N3, bị cáo có ý thức khắc phục hậu quả. Bị hại Đặng Văn V đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Văn Q; ghi nhận việc bị cáo Đặng Văn Q bồi thường thay bị cáo Hoàng Văn N3 28 triệu đồng để bồi thường cho các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Văn Q cùng gia đình bị cáo đã bồi thường gần hết đối với bị hại Đặng Văn V, tại phiên tòa bị cáo nhận bồi thường thêm 28 triệu đồng cho các bị hại thay bị cáo Hoàng Văn N3. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Sau khi biết ông Nguyễn Văn T10 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng H4 có nhu cầu bán cổ phần của mình tại Công ty H4, đồng thời Công ty H4 là chủ dự án khu nhà ở thấp tầng tại khu đất

đường Ngang, phường V2, quận H3, thành phố H, Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 đã bàn bạc thỏa thuận nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty H4 về giá trị dự án trên với giá 110 tỷ đồng. Đặng Văn Q, Hoàng Văn N3 biết rõ dự án khu nhà ở thấp tầng tại khu vực đường Ngang, phường V2, quận H3, thành phố H chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chưa làm các thủ tục bàn giao khu đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 đã bàn bạc và thành lập Công ty H2 do Hoàng Văn N3 làm Tổng Giám đốc. Công ty H2 không có dự án V1, không phải chủ là chủ đầu tư dự án V1, không có hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, Đặng Văn Q đã tự ý thuê người lập các bản vẽ chi tiết dự án, bảng giá, văn bản thỏa thuận với khách hàng, hợp đồng vay vốn, hợp đồng giữ chỗ bản đăng ký nguyện vọng mua nhà biệt thự liền kề...Hoàng Văn N3 đã đưa ra thông tin gian dối thông qua một số đối tượng môi giới bất động sản để giới thiệu khách hàng có nhu cầu mua căn hộ bằng hình thức hợp đồng vay vốn. Hoàng Văn N3 trực tiếp ký các hợp đồng và văn bản, phiếu thu tiền đóng dấu của Công ty H2.

Với thủ đoạn nêu trên, từ ngày 30/5/2018 đến ngày 04/7/2018, Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q chiếm đoạt của 05 người bị hại là ông Trần Văn D1 693.000.000 đồng, Hoàng Văn T7 1.593.000.000 đồng, ông Phạm Hoàng T8 1.147.000.000 đồng, ông Đặng Văn V 5.124.500.000 đồng, ông Cao Thanh T9 1.095.000.000 đồng. Tổng số tiền Hoàng Văn N3 và Đặng Văn Q nhận và chiếm đoạt của 05 người bị hại là 9.652.500.000 đồng. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án Đặng Văn Q cùng đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đặng Văn Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do mong muốn kiếm tiền bằng con đường không đúng quy định của pháp luật nên bị cáo đã phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo Đặng Văn Q 08 năm 06 tháng tù là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét vai trò của bị cáo trong vụ án thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Văn N3 là người trực tiếp làm thủ tục thành lập Công ty với tư cách là người đại diện hợp pháp cho Công ty, trực tiếp ký hợp đồng đặt cọc, trực tiếp giao dịch với khách hàng, trực tiếp nhận tiền từ khách hàng. Sau khi nhận tiền của khách hàng bằng hình thức chuyển khoản hoặc nhận trực tiếp thì Hoàng Văn N3 mới chuyển cho Đặng Văn Q theo thỏa thuận của hai bên. Như vậy, bị cáo Hoàng Văn N3 có vai trò cao hơn Đặng Văn Q, Đặng Văn Q tham gia với vai trò giúp sức cho Hoàng Văn N3.

Hội đồng xét xử xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhệm hình sự, thì: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Văn Q khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo đều phối hợp với gia đình cố gắng bồi thường khắc phục được phần lớn hậu quả, các bị hại đều nhất trí làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ, bị cáo là lao động chính. Bị cáo Đặng Văn Q chiếm hưởng phần lớn số tiền của bị hại nhưng cũng khắc phục hậu quả được nhiều hơn, gia đình bị cáo có bố để có công với cách mạng, sau khi biết sai phạm đã ra đầu thú khai nhận hành vi vi phạm, có đóng góp cho công tác phòng chống dịch Covid tại địa phương, bản thân tham gia quân đội được thưởng Giấy khen của Bộ trưởng; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như nhận định của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và cung cấp một số tài liệu mới gồm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Văn Q và gia đình đã tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Đặng Văn V số tiền 1.000.000.0000 đồng; tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khắc phục trực tiếp cho bị hại số tiền 500.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục gần hết hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện nhận bồi thường thêm 28 triệu đồng cho các bị hại thay bị cáo Hoàng Văn N3 là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Bị hại ông Đặng Văn V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa bị hại mong muốn Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận hành động khắc phục hậu quả tích cực từ phía bị cáo Đặng Văn Q và gia đình bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

Như vậy, các tài liệu bị cáo cung cấp mới tại phiên tòa phúc thẩm được coi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, trên cơ sở đánh giá mức độ, hậu quả, việc khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt đối với bị cáo; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm để giảm hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H.

[4] Ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố H nhận được đơn kháng cáo đề ngày 08/8/2022 của bị hại Đặng Văn V về việc kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2022/HSST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H với nội dung đề nghị xem xét trách nhiệm của đối tượng là Nguyễn Thị T4 và

Hoàng Bá S1 trong vụ án để buộc các đối tượng này phải có nghĩa vụ trả tiền cho bị hại Đặng Văn V. Tuy nhiên, kháng cáo của bị hại đã quá thời hạn kháng cáo theo quy định. Do kháng cáo của bị hại Đặng Văn V bị quá hạn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét kháng cáo của bị hại ông Đặng Văn V.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đặng Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đặng Văn Q; Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2022/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H về phần hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn Q, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Văn Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2022.

2. Căn cứ Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về dân sự: Buộc các bị cáo Đặng Văn Q và Hoàng Văn N3 phải liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền **9.652.500.000đồng**, trong đó kỷ phần của Đặng Văn Q **6.500.000.000đồng**, kỷ phần của Hoàng Văn N3 **3.152.500.000đồng**.

Xác nhận Đặng Văn Q đã bồi thường 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); Hoàng Văn N3 đã bồi thường 1.848.500.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 1.276.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Ghi nhận việc bị cáo Đặng Văn Q bồi thường thay phần bị cáo Hoàng Văn N3 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng)

Cụ thể:

- Ông Hoàng Văn T7: **1.003.000.000đồng** (một tỷ không trăm linh ba triệu đồng).

- Ông Đặng Văn V: **1.914.500.000đồng** (một tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng)

- Anh Trần Văn D1: **343.000.000đồng** (ba trăm bốn mươi ba triệu đồng).

- Anh Phạm Hoàng T8: **727.000.000đồng** (bảy trăm hai mươi bảy triệu đồng).

- Anh Cao Thanh T9: **317.000.000đồng** (ba trăm mười bảy triệu đồng)

3. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại TG số 1 Công an Tp Hà Nội (02 bản, giao cho bị cáo 01 bản);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lệ